

Bản án số: 357/2021/HS-PT

Ngày: 25 - 9 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Phạm Việt Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra, Kiểm sát viên

Vào ngày 25 tháng 09 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 370 /2021/TLPT-HS ngày 23 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Trung G, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2021/HS-ST ngày 18 - 5 - 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Trung G; sinh ngày 06/11/1979 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: số 151 Đường N, tổ 5, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thượng D (chết) và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1948; có vợ tên là Võ Thị Tuyết S, sinh năm 1979 (đã ly hôn năm 2009) và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2020 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa: Ông Thới Mạnh C1, Luật sư Văn phòng Luật sư C2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi, là người bào chữa theo luật định cho bị cáo Nguyễn Trung G; có mặt;

- Bị hại có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích L1; sinh năm 1968; trú tại: 39 đường H, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trung G và bà Nguyễn Thị Bích L1 có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Đến giữa tháng 6/2018, biết bà L1 là người có nhu cầu mua nhà, đất nên G nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà L1. Để thực hiện mục đích của mình, ngày 16/6/2018, G đem bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) của thửa đất số 1011, tờ bản đồ số 21, phường L, thành phố Q có diện tích 233,5 m² (thửa đất số 1011) mang tên Nguyễn Thượng D, cha đẻ của Nguyễn Trung G đến nhà bà L1 nói dối là đất, nhà của gia đình đã cho mình và đặt vấn đề bán cho bà L1. Thực tế nhà và đất này gia đình G đã cho, tặng và sang tên cho Nguyễn Trung S1 là em ruột của G. Bà L1 tin tưởng là thật nên đồng ý mua và thỏa thuận với giá 2.200.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, G đưa cho bà L1 giữ bản phô tô Giấy CNQSDĐ của thửa đất trên và yêu cầu bà L1 đưa cho G 200.000.000 đồng tiền cọc, G viết giấy nhận tiền đưa cho bà L1 giữ để làm tin. Ngày 06/8/2018, G nhận thêm số tiền 200.000.000 đồng. Sau khi giao cho G số tiền 600.000.000 đồng, bà L1 yêu cầu G đưa giấy CNQSDĐ bản chính và hối thúc chuyển nhượng thì G nảy sinh ý định làm giả giấy CNQSDĐ nhằm chiếm đoạt số tiền còn lại.

Đến đầu tháng 3/2019, G truy cập vào tài khoản Facebook tìm kiếm người làm giấy CNQSDĐ giả. G phát hiện một tài khoản (G không nhớ tên tài khoản và thông tin của người làm giả) chuyên nhận làm giả giấy tờ. Người làm giả báo giá 700.000 đồng. Sau đó, G chuyển tiền cho người làm giả và nhận giấy CNQSDĐ qua đường Bưu điện. Cũng trong thời điểm này, G tự viết 02 (hai) tờ giấy cam kết giả tên Nguyễn Trung Kiên, là anh ruột G nội dung: Cam kết căn nhà 151 Đường N, thành phố Q là của Nguyễn Trung G và cam kết chỉ bán căn nhà cho bà L1, yêu cầu nhận thêm tiền của bà L1.

Sau khi có sổ đỏ giả và 02 Bản cam kết, G mang đến đưa cho bà L1 và chiếm đoạt thêm số tiền 900.000.000 đồng, cụ thể: ngày 09/4/2019 nhận 100.000.000 đồng; ngày 04/6/2019 nhận 200.000.000 đồng; ngày 02/8/2019 nhận 100.000.000 đồng; ngày 15/8/2019 nhận 100.000.000 đồng; ngày 14/9/2019 nhận 200.000.000 đồng; ngày 17/9/2019 nhận 200.000.000 đồng.

Đến tháng 10/2019, bà L1 yêu cầu G đến Phòng công chứng số 1, đường H, thành phố Q để làm thủ tục sang tên, khi làm thủ tục chuyển nhượng thì Phòng công chứng phát hiện giấy CNQSDĐ giả nên G bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống. Đến khoảng tháng 02/2020, G liên lạc với bạn gái là Thái Thị Kim Ch thì biết tin Ch đang sinh sống tại thị trấn E, huyện C2, tỉnh Đắk Nông nên G tìm đến sinh sống. Đến ngày 17/12/2020, thì bị Cơ quan CSĐT – Công an

tỉnh Quảng Ngãi bắt theo Lệnh truy nã. Số tiền chiếm đoạt được, G đã sử dụng tiêu xài mục đích cá nhân.

Tại bản kết luận giám định số 656/KLGD – PC09, ngày 03/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi, kết luận:

- Hình dấu tròn có nội dung: “Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi” trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số CN022593, mang tên Nguyễn Trung G sinh năm 1979, CMND số: 212019632, địa chỉ thường trú: 320 Đường P, thành phố Q (ký hiệu A) với hình dấu mẫu so sánh (Ký hiệu M) ***là không phải do cùng một con dấu đóng ra.***

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Đức Tr trên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất”, số CN022593, mang tên ông Nguyễn Trung G, sinh năm 1979, CMND số: 212019632, địa chỉ thường trú: 320 Đường P, thành phố Q (ký hiệu A) với chữ ký của ông Nguyễn Đức Tr trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) ***là không phải do cùng một người ký ra.***

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất, số CN022593 mang tên ông Nguyễn Trung G, sinh năm 1979, CMND số: 21201932, địa chỉ thường trú: 320 Đường P, thành phố Q (ký hiệu A) ***là giả.***

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2021/HS-ST ngày 18 - 5 - 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Trung G 10 (mười) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Trung G 03 (ba) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Trung G phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 17/12/2020.

Về phần dân sự: Áp dụng Điều 46 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Trung G phải chịu trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích L1 số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

[3] Kháng cáo:

Ngày 31-5-2021, bị hại là bà Nguyễn Thị Bích L1 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo G và cho Bà được nhận số tiền 50.000.000 đồng mà gia đình bị cáo nộp khác phục hậu quả.

[4] *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bà Nguyễn Thị Bích L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội

Nguyễn Trung G và bà Nguyễn Thị Bích L1 có mối quan hệ, quen biết với nhau từ trước. Ngày 16/6/2018, bị cáo dùng thủ đoạn gian dối đưa bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1011, tên người sử dụng đất là Nguyễn Thượng D (cha bị cáo G) và nói dối với bà L1 thừa đất 1011 và nhà gắn liền trên đất là tài sản của cha bị cáo cho, bị cáo muốn bán thửa đất này, nhưng thực tế thửa đất trên gia đình bị cáo đã cho anh Nguyễn Trung S1 (em ruột của bị cáo). Tin tưởng lời nói của bị cáo là thật nên bà L1 đã đồng ý mua với giá tiền 2.200.000.000 đồng, bà L1 giao trước cho bị cáo số tiền 600.000.000 đồng. Đến tháng 3/2019, G lên mạng xã hội nhờ người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà tại thửa đất số 1011 đứng tên người sử dụng Nguyễn Trung G. Cũng trong thời điểm này, bị cáo tự viết 02 giấy cam kết đề tên Nguyễn Trung Kiên (anh ruột bị cáo) với nội dung: “*Cam kết căn nhà 151 Đường N, thành phố Q là của Nguyễn Trung G và cam kết chỉ bán căn nhà cho bà L1, yêu cầu nhận thêm tiền của bà L1*”. Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở giả và 02 Bản cam kết, G mang đến đưa cho bà L1 giữ để làm tin và tiếp tục nhận thêm số tiền 900.000.000 đồng từ bà L1. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Bích L1 là 1.500.000.000 đồng.

Bản án sơ thẩm đã quyết định Nguyễn Trung G đã phạm về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị hại:

Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn cho quá trình điều tra.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhưng có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau:

Đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản: bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã tác động gia đình bồi thường cho bà L1 số tiền 50.000.000 đồng nộp tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi; gia đình bị cáo có công với cách mạng cha, mẹ của bị cáo Nguyễn Trung G được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng cho bị cáo. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 10 năm tù là có cơ sở.

Đối với tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức: Bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 03 năm tù là mức án nằm trong khung hình phạt.

Đối với yêu cầu kháng cáo về việc được nhận số tiền 50.000.000 đồng bị cáo nộp khắc phục hậu quả: Bị cáo Nguyễn Trung G đã chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Bích L1 với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng; bản án sơ thẩm đã quyết định buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm trả lại số tiền 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Bích L1.

Về số tiền bồi thường thì Bản án sơ thẩm đã nhận định: “*Trong giai đoạn điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) cho bị hại, nhưng bị hại không nhận. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi đã tạm giữ và nộp số tiền trên vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, do đó, tiếp tục tạm giữ khoản tiền này để đảm bảo thi hành án*”. Như vậy, đương nhiên bà L1 được nhận số tiền 50.000.000 đồng này theo thủ tục Thi hành án dân sự; nhưng do chưa được ghi nhận rõ trong bản án sơ thẩm nên Bản án phúc thẩm chỉ cần nêu bổ sung rõ hơn là bà L1 được nhận số tiền 50.000.000 đồng mà gia đình bị cáo đã nộp khắc phục một phần hậu quả, theo thủ tục Thi hành án dân sự.

(Theo ủy nhiệm chi lập ngày 17/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi và Kho Bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi).

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị hại kháng cáo trong trường hợp vụ án khởi tố không phụ thuộc theo yêu cầu của bị hại nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác còn lại của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2021/HS-ST ngày 18 - 5 - 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về hình phạt:

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung G 10 (mười) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung G 03 (ba) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Trung G phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 13 (mười ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 17-12-2020.

3. Về phần dân sự: Áp dụng Điều 46 và Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Trung G phải chịu trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Bích L1 số tiền là 1.500.000.000 đồng (*một tỷ năm trăm triệu đồng*).

Bà Nguyễn Thị Bích L1 được nhận số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) mà gia đình bị cáo đã nộp khắc phục một phần hậu quả, theo thủ tục Thi hành án dân sự, khi thi hành án số tiền 1.500.000 đồng nêu trên.

(Theo ủy nhiệm chi lập ngày 17/5/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi và Kho Bạc Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi).

4. Về án phí phúc thẩm bà Nguyễn Thị Bích L1 không phải chịu.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long